



zhà dàn

炸弹

Noun · bomb

Example Sentences

zhè shì yí gè zhà dàn

这是一个炸弹。

This is a bomb.

diàn yǐng lǐ yǒu yí gè zhà dàn bào zhà le

电影里有一个炸弹爆炸了。

In the movie, a bomb exploded.

zhè ge xiāo xī xiàng zhà dàn yí yàng zhèn jīng le suǒ yǒu rén

这个消息像炸弹一样震惊了所有人。

This news shocked everyone like a bomb.

Trace each character, then write the word on your own.

炸	炸	炸	炸	炸	炸	炸	炸	炸	炸	炸
炸										
弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹
弹	弹	弹								